

Số: /GPMT-STNMT

Bình Dương, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản và cấp giấy phép môi trường đối với các dự án thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường Công ty TNHH Dệt Sarah số 01/MT ngày 03 tháng 6 năm 2024 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường tại Tờ trình số 3459/TTr-CCBVMT ngày 27 tháng 6 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Dệt Sarah được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Nhà máy sản xuất và gia công chỉ sợi các loại, công suất 2.000 tấn/năm tại khu sản xuất Bình Chuẩn, phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy sản xuất và gia công chỉ sợi các loại.

1.2. Địa điểm hoạt động: khu sản xuất Bình Chuẩn, phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700483862 đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 11 năm 2007, thay đổi lần thứ 6 ngày 03 tháng 06 năm 2022.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án: 5411929013 chứng nhận lần đầu ngày 30 tháng 11 năm 2007, chứng nhận thay đổi lần thứ 06 ngày 27 tháng 7 năm 2022.

1.4. Mã số thuế: 3700483862.

1.5. Công ty TNHH Dệt Sarah đã được Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường tỉnh Bình Dương xác nhận Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường tại Phiếu xác nhận số 88/KHCNMT ngày 14 tháng 5 năm 2003.

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: sản xuất chỉ sợi các loại.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

1.7.1. Phạm vi:

Diện tích của cơ sở: 14.345,37m²

1.7.2. Quy mô:

- Cơ sở thuộc dự án đầu tư nhóm B theo phân loại tiêu chí quy định pháp luật về đầu tư công.

- Cơ sở thuộc dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

1.7.3. Công suất

- Công suất: 2.000 tấn/năm

- Quy trình sản xuất: Sợi nguyên liệu (sợi polyester, sợi nylon) → Chia cuộn → Ghép sợi, se sợi → Thành cuộn → Hấp định hình → Hút ẩm 24h → Kiểm tra, đóng gói.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Dệt Sarah:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Dệt Sarah có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải, bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của

pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Sở Tài nguyên và Môi trường.

2.5. Theo Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 05/01/2022 của UBND tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của thành phố Thuận An và Quyết định số 408/QĐ-UBND ngày 22/02/2023 của UBND tỉnh Bình Dương về việc kế hoạch sử dụng đất đến năm 2023 thành phố Thuận An thì vị trí của cơ sở được quy hoạch là đất ở tại đô thị và thương mại dịch vụ, do đó, cơ sở phải ngưng hoạt động, di dời đúng thời gian khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép:.....**năm**.....**ngày**.

(Từ ngày.... tháng năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2030).

Điều 4. Giao Chi cục Bảo vệ môi trường, Thanh tra Sở tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Công ty TNHH Dệt Sarah tại khu sản xuất Bình Chuẩn, phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Dệt Sarah;
- UBND thành phố Thuận An;
- UBND phường Bình Chuẩn;
- Cổng Thông tin điện tử Sở TNMT;
- Lưu: VT, CCBVMT, Nhung5.

GIÁM ĐỐC

Ngô Quang Sự

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày tháng năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

Nguồn số 01: Nước thải từ nhà vệ sinh tại khu vực văn phòng và nhà xưởng tầng 1,2,3 với lưu lượng $7,2\text{m}^3/\text{ngày}$.

Nguồn số 02: Nước thải từ nhà vệ sinh khu vực căn tin, nhà xe; nước thải từ khu căn tin; nước rửa tay với lưu lượng $4,8\text{m}^3/\text{ngày}$.

Nguồn số 03: Nước thải từ hoạt động xả đáy lò hơi với lưu lượng $4\text{ m}^3/\text{ngày}$.

Nguồn số 04: Nước thải từ quá trình xả cặn của 2 hệ thống phun nước làm mát không khí với lưu lượng $20\text{m}^3/\text{ngày}$.

Nguồn số 05: Nước thải từ phòng hút ẩm sợi với lưu lượng $6\text{m}^3/\text{ngày}$.

Nguồn số 06: Nước thải từ quá trình hoàn nguyên hệ thống làm mềm nước cấp cho lò hơi với lưu lượng $3\text{m}^3/\text{ngày}$.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: suối Bưng Biệp, phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương sau đó chảy ra Suối Cát ra Rạch Bà Lụa ra Sông Sài Gòn.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Tại 01 điểm trên đường D1 của Khu sản xuất Bình Chuẩn → Cống thoát nước trên đường N2 của Khu sản xuất Bình Chuẩn → Cống thoát nước bằng đường Mỹ Phước Tân Vạn sau đó thoát ra suối Bưng Biệp.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°): X = 12.13.802; Y = 06.05.263.

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $45\text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sau khi xử lý (đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột A; $K_q = 0,9$; $K_f = 1,2$), nước thải sau xử lý sẽ theo đường ống có kích thước D200mm dẫn ra cống thoát nước trên đường D1 của Khu sản xuất

Bình Chuẩn → Cổng thoát nước trên đường N2 của Khu sản xuất Bình Chuẩn → Cổng thoát nước bằng đường Mỹ Phước Tân Vạn → Suối Bung Biệp → Suối Cát → Rạch Bà Lụa → Sông Sài Gòn.

- Phương thức xả thải: tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục 24 giờ/ngày.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT (cột A; $K_q = 0,9$; $K_f = 1,2$), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m ³ /ngày	45	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ theo Khoản 3 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo Khoản 3 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	pH	-	6 – 9		
3	TSS	mg/L	54		
4	COD	mg/L	81		
5	BOD ₅ (20°C)	mg/L	32,4		
6	Amoni	mg/L	5,4		
7	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	5,4		
8	Tổng nitơ	mg/L	21,6		
9	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/L	4,32		
10	Coliform	Vi khuẩn/100ml	3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Hệ thống thu gom, thoát nước thải được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Nguồn số 01: Nước thải từ nhà vệ sinh tại khu vực văn phòng và nhà xưởng tầng 1,2,3 được xử lý sơ bộ bằng 02 bể bể tự hoại (mỗi bể có dung tích 8m³) và nước rửa tay chân của công nhân được thu gom bằng các đường ống uPVC D100-125mm dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn số 02: Nước thải từ nhà vệ sinh khu vực căn tin, nhà xe (được xử lý sơ bộ bằng 01 bể tự hoại dung tích 8m^3), nước thải từ khu vực căn tin (sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tách mỡ) và nước rửa tay sẽ theo đường ống uPVC D100-125mm đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn số 03: Nước thải từ hoạt động xả đáy lò hơi sẽ theo đường ống uPVC D35mm dẫn về đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn số 04: Nước thải từ quá trình xả cặn 2 hệ thống phun nước làm mát không khí theo đường ống uPVC D110mm đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn số 05: Nước thải từ quá trình phòng hút ẩm sợi theo đường ống uPVC D110mm đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn số 06: Nước thải từ quá trình hoàn nguyên hệ thống làm mềm nước cấp cho lò hơi theo đường ống uPVC D35mm đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể điều hòa → Bể điều chỉnh pH → Bể trộn nhanh → Bể tuyển nổi → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể trung gian → Bồn lọc cát → Bồn lọc than → Bể khử trùng → Cống thoát nước trên đường D1 Khu sản xuất Bình Chuẩn → Cống thoát nước trên đường N2 của Khu sản xuất Bình Chuẩn → Cống thoát nước bằng đường Mỹ Phước Tân Vạn → Suối Bung Biệp → Suối Cát → Rạch Bà Lụa → Sông Sài Gòn

- Công suất thiết kế: $100\text{ m}^3/\text{ngày}$.

- Chế độ vận hành: liên tục.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, H_2SO_4 , PAC, Polymer.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hồ ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý nước thải và hệ thống thoát nước.

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.

- Bố trí cán bộ được đào tạo, chuyên giao kỹ thuật vận hành công trình xử lý nước thải, ứng phó sự cố để vận hành, theo dõi, giám sát liên tục quá trình vận hành và có nhật ký vận hành công trình xử lý nước thải ghi nhận các thông tin về lưu lượng nước thải, lượng điện tiêu thụ, hóa chất sử dụng, lượng bùn thải để kịp thời nhận biết các sự cố quá tải về lưu lượng.

- Vận hành công trình xử lý nước thải theo đúng quy trình; thường xuyên kiểm tra,

bảo trì, bảo dưỡng các máy móc thiết bị trong công trình xử lý nước thải theo đúng hướng dẫn vận hành của nhà cung cấp nhằm đảm bảo các thiết bị, máy móc hoạt động ổn định.

- Các máy móc, thiết bị quan trọng được trang bị 01 bộ dự phòng công trình xử lý như máy bơm, bơm định lượng, máy thổi khí... để không làm gián đoạn quá trình xử lý khi một thiết bị hư hỏng.

- Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn. Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của công trình xử lý nước thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với công trình xử lý nước thải.

- Đối với sự cố hỏng về điện hoặc do thiết bị, máy móc của công trình xử lý bị hư: Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong công trình xử lý thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật nhà cung cấp; lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các hạng mục công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của công trình xử lý, đồng thời tạo cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất, nhằm sửa chữa kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố, tránh ảnh hưởng đến việc vận hành của công trình xử lý. Trang bị các thiết bị dự phòng cho công trình xử lý như máy bơm, bơm định lượng.

- Đối với sự cố do thao tác vận hành xử lý không đúng cách: Điều chỉnh lượng khí, nhu cầu dinh dưỡng, hóa chất do thao tác vận hành không đúng cách; đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn; lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước thải sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của công trình xử lý.

- Báo ngay cho cơ quan nhà nước có chức năng các sự cố để được hỗ trợ và có biện pháp khắc phục kịp thời trong trường hợp quá khả năng ứng phó của đơn vị.

- Quy trình ứng phó sự cố: Trường hợp nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải hoặc công trình xử lý nước thải tập trung gặp sự cố và phải dừng hoạt động, nước thải sẽ được lưu giữ tại các bể xử lý trong thời gian 02 ngày (do công suất của hệ thống xử lý nước thải là $100\text{m}^3/\text{ngày}$, trong khi lưu lượng xả thải tối đa khoảng $45\text{m}^3/\text{ngày}$ nên sẽ lưu chứa được 02 ngày), việc lưu chứa tại các bể xử lý nhằm rà soát, khắc phục sự cố tăng dinh dưỡng cho vi sinh; tăng cường hóa chất xử lý của các bể trong hệ thống xử lý. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải được tiếp tục xử lý, đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận, cam kết không xả nước thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường. Trong trường hợp không khắc phục được, Công ty sẽ tạm ngưng hoạt động sản xuất cho đến khi khắc phục xong sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Thời gian vận hành thử nghiệm là 01 tháng (Bắt đầu sau 10 ngày kể từ ngày Giấy phép môi trường có hiệu lực).

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Nước thải đầu vào: Tại bể điều hòa của công trình xử lý nước thải tập trung.
- Nước thải đầu ra: Nước thải sau xử lý của công trình xử lý nước thải tập trung.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành thử nghiệm, chủ cơ sở phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của công trình xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.3.3 phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải.

- Thời gian đánh giá: 03 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh (*giai đoạn điều chỉnh do Công ty tự xem xét trong quá trình vận hành thử nghiệm của công trình xử lý nước thải*).

- Loại mẫu: mẫu đơn.

- Tần suất quan trắc: 01 ngày/lần (*đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào tại bể điều hòa và 03 mẫu nước thải đầu ra của Hệ thống xử lý nước thải tập trung trong 03 ngày liên tiếp*).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022.

3.3. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.4. Bảo đảm bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục, không được phép xả nước thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày tháng năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải không có hệ thống xử lý khí thải:

STT	Nguồn khí thải	
01	Nguồn số 01	Khí thải phát sinh từ lò hơi công suất 750kg hơi/giờ sử dụng nhiên liệu dầu DO.
02	Nguồn số 02	Khí thải phát sinh từ máy phát điện (số 01) công suất 100KVA sử dụng nhiên liệu dầu DO (phát sinh khi máy phát điện hoạt động vào thời gian cơ sở mất điện)
03	Nguồn số 03	Khí thải phát sinh từ máy phát điện (số 02) công suất 800KVA sử dụng nhiên liệu dầu DO (phát sinh khi máy phát điện hoạt động vào thời gian cơ sở mất điện)

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

STT	Nguồn khí thải	Dòng khí thải	Vị trí xả thải	Tọa độ (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105°45', múi chiếu 3°)
01	Nguồn số 01	Dòng khí thải số 01	Tại ống thoát khí thải số 1	X(m) = 12.13.738 Y(m) = 06.05.167
02	Nguồn số 02	Dòng khí thải số 02	Tại ống thoát khí thải số 2	X(m) = 12.13.733 Y(m) = 06.05.172
03	Nguồn số 03	Dòng khí thải số 03	Tại ống thoát khí thải số 3	X(m) = 12.13.734 Y(m) = 06.05.172
		Dòng khí thải số 04	Tại ống thoát khí thải số 4	X(m) = 12.13.735 Y(m) = 06.05.172

- Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên của Công ty TNHH Dệt Sarah thuộc khu sản xuất Bình Chuẩn, phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 01: lưu lượng xả thải tối đa là 2.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 02: lưu lượng xả thải tối đa là 1.080 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 03,04: lưu lượng xả thải tối đa là 8.640m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01: xả liên tục trong thời gian sản xuất (8h/ngày).
- Dòng khí thải số 02, 03 và 04: chỉ xả thải khi hoạt động.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải (QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B, K_v = 0,8, K_p = 1,0, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị tối hạn	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi	mg/Nm ³	160	Không thuộc đối tượng quan trắc khí thải định kỳ theo khoản 2, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng quan trắc tự động, liên tục theo khoản 2, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	SO ₂	mg/Nm ³	400		
3	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	680		
4	CO	mg/Nm ³	800		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ nguồn phát sinh:

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ lò hơi (đốt dầu DO, công suất 750kg hơi/giờ) được thu gom và phát tán qua 01 ống thải, chiều cao 6m, đường kính 300 mm.
- Nguồn số 02: Khí thải từ máy phát điện 100KVA (đốt dầu DO) được thu gom và phát tán qua 01 ống thải, chiều cao 10m, đường kính 100mm.
- Nguồn 03: Khí thải từ máy phát điện 800KVA (đốt dầu DO) được thu gom và phát tán qua 02 ống thải, chiều cao 10m, đường kính 200 mm.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải: Không có

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng và thường xuyên theo dõi hoạt động của các máy móc, thiết bị để có biện pháp xử lý kịp thời. Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng.

- Đào tạo đội ngũ nhân viên nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm (theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Đảm bảo nồng độ khí thải ra môi trường đáp ứng theo các quy chuẩn hiện hành.

- Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 3

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày tháng năm 2024
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Khu vực xưởng sang sợi, ghép và se sợi.
- Nguồn số 02: Khu vực hấp định hình.
- Nguồn số 03: Khu vực máy phát điện dự phòng công suất 100KVA.
- Nguồn số 04: Khu vực máy phát điện dự phòng công suất 800KVA.
- Nguồn số 05: Khu vực máy nén khí.
- Nguồn số 06: Khu vực lò hơi 750 kg hơi/giờ.
- Nguồn số 07: Khu vực máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ: X=12.13.783; Y= 06.05.217.
- Nguồn số 02: Tọa độ: X=12.13.778; Y= 06.05.180.
- Nguồn số 03: Tọa độ: X=12.13.733; Y= 06.05.172.
- Nguồn số 04: Tọa độ: X=12.13.734; Y= 06.05.172.
- Nguồn số 05: Tọa độ: X=12.13.772; Y= 06.05.165.
- Nguồn số 06: Tọa độ: X=12.13.738; Y= 06.05.167.
- Nguồn số 07: Tọa độ: X=12.13.686; Y= 06.05.252.

3. Tiếng ồn, độ rung:

Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

STT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 – 21 giờ	Từ 21 – 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Các máy móc thiết bị được lắp đặt đệm cao su để giảm ồn và rung, không tiếp xúc với chân đế bằng bê tông, từ đó giảm thiểu độ rung khi hoạt động. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ.

- Bảo dưỡng máy móc, thiết bị theo định kỳ và sửa chữa khi cần thiết (thay dầu bôi trơn các máy móc, sửa chữa các mối hở của thiết bị hoặc thay mới máy móc).

- Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung cho công nhân:

+ Đối với công nhân làm việc tại các khu vực có độ ồn cao được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động như nút bịt tai, bao ốp tai chống ồn.

+ Có kế hoạch kiểm tra thường xuyên và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động của công nhân.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục 3 Phần A Phụ lục này.

2.2. Thường xuyên bảo dưỡng, hiệu chuẩn các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày tháng năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Pin, ắc quy thải	19 06 01	NH	Rắn	4
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	NH	Rắn	22
3	Hộp mực in thải có chứa các thành phần nguy hại	08 02 04	KS	Rắn	14
4	Giẻ lau, bao tay dính thành phần nguy hại	18 02 01	KS	Rắn	20
5	Bao bì mềm dính thành phần nguy hại	18 01 01	KS	Rắn	22
6	Bao bì kim loại có dính thành phần nguy hại	18 01 02	KS	Rắn	20
7	Bao bì nhựa cứng dính thành phần nguy hại	18 01 03	KS	Rắn	20
8	Bùn từ hệ thống xử lý nước thải	12 06 05	KS	Bùn	1.060
Tổng khối lượng					1.182

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)
1	Giấy, bao bì giấy carton, ống chỉ thải bỏ	18 01 05	Rắn	616
2	Sợi nylon, polyester thải bỏ, Bụi từ quá trình chia cuộn, ghép, se cuộn	10 02 10	Rắn	20.000

3				
Tổng khối lượng				20.616

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Chất thải rắn sinh hoạt (của công nhân viên tại cơ sở) bao gồm: rác hữu cơ (rau quả, thực phẩm thừa, giấy vụn,...), rác thải vô cơ (túi nilon, vỏ lon,...), khối lượng khoảng 12.000 kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa chất thải:

Trang bị các thùng nhựa loại 120 lít, có nắp đậy, dán nhãn, mã chất thải nguy hại (10 thùng, dung tích 120 lít/thùng).

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho lưu chứa chất thải: 30 m².

- Kết cấu: Tường bao xung quanh; nền bê tông chống thấm, đảm bảo kín khí, không bị thấm thấu; có nền cao hơn mặt bằng xung quanh, đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; đảm bảo không chảy tràn chất thải lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; có mái tôn che kín nắng, mưa; biển cảnh báo; trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô)... theo quy định.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa chất thải:

- Trang bị các thùng nhựa HDPE, bao PE, PP dung tích 100-500kg có nắp đậy, dán nhãn, mã chất thải.

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho chứa: 270 m².

- Kết cấu: Kho lưu chứa trong nhà, có tường bao quanh, toàn bộ nền, tường, mái được đổ bằng bê tông cốt thép, trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa chất thải:

Trang bị các thùng dung tích 240 lít đặt tại nhà bảo vệ; bố trí các thùng rác dung tích 60 lít, có nắp đậy kín đặt tại các phân xưởng sản xuất, văn phòng, khu vực căn tin, để thu gom chất thải sinh hoạt;

2.3.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho chứa: 10 m².
- Kết cấu: Kho lưu chứa đặt tại khu vực căn tin, nhà xe máy, có tường bao quanh, toàn bộ nền, tường, mái được đổ bằng bê tông cốt thép, trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy.
- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường 2020.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở theo quy định tại Khoản 4 Điều 124 của Luật Bảo vệ môi trường 2020 và có trách nhiệm công khai kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở; gửi kế hoạch ứng phó sự cố môi trường tới Ủy ban nhân dân phường Bình Chuẩn và Ban chỉ huy Phòng thủ dân sự, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố Thuận An theo quy định tại Khoản 3 Điều 110 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; đồng thời, có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban nhân dân phường Bình Chuẩn về nguy cơ sự cố môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường để thông tin cho tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư xung quanh theo quy định tại Khoản 2 Điều 129 của Luật Bảo vệ môi trường 2020.

4. Có trách nhiệm tổ chức ứng phó sự cố môi trường trong phạm vi cơ sở; trường hợp vượt quá khả năng ứng phó, phải kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân phường Bình Chuẩn và Ban chỉ huy phòng thủ dân sự, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn thành phố Thuận An để phối hợp ứng phó theo quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 125 của Luật Bảo vệ môi trường 2020.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày tháng năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG.

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC.

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học phải thực hiện.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.
2. Tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương.
3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.
4. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Tăng cường hiệu quả trong việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước nhằm tiết kiệm tài nguyên và giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường.
5. Luôn thực hiện các biện pháp không chế ô nhiễm và bảo vệ môi trường theo đúng quy định, đảm bảo toàn bộ chất thải phát sinh được thu gom và xử lý các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
6. Tuân thủ các quy định về an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp; an toàn lao động phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật, quy định khác có liên quan; bố trí nhân sự thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động.
7. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp theo quy định tại điểm e Khoản 4 Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường
8. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật; hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định.
9. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai

Giấy phép môi trường, thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

10. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.